

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2025/DS-PT
Ngày: 05/6/2025
V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu
cầu hủy GCNQSDĐ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương
Các Thẩm phán Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Đinh Phước Hoà

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Lộc, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Bà Trần Thị Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy GCNQSDĐ*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1565/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1970;
- Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1972.

Cùng nơi cư trú: **thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình**. Điều vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đinh Hữu S, sinh năm 1966. Nơi cư trú: **thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình**. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Nam G, Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ Thành L, Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện T (văn bản uỷ quyền ngày 28/5/2025). Điều vắng

mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã C, huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị P1, Chủ tịch. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quang H1, Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** bị đơn ông Đinh Hữu S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, lời trình bày trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Nguyễn Đình P trình bày:

Năm 2008 theo chính sách giao đất, giao rừng của Nhà nước cho người dân, gia đình ông P bà H được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số: AO725773 ngày 18/12/2008 đối với các thửa đất số 297, 358 thuộc tờ bản đồ số 31, tổng diện tích 66.479m²; địa chỉ thửa đất: TK203/4, NTKII/5 thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình; hình thức sử dụng: sử dụng riêng 66.479m²; mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất; thời hạn sử dụng: đến tháng 12/2058; nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất, không thu tiền sử dụng đất.

Gia đình ông P bà H đã tiến hành khoang nuôi, bảo vệ rừng và trồng cây bản địa trên diện tích đất đó, trong quá trình trồng, chăm sóc cây diễn ra bình thường không xảy ra tranh chấp gì với những hộ dân sử dụng đất liền kề.

Đến năm 2012, ông P bà H đi kiểm tra thì phát hiện hộ ông Đinh Hữu S phát cây, lấn chiếm đất và trồng cây keo trên diện tích đất đó. Tổng diện tích đất mà ông S lấn chiếm của gia đình ông bà là 7.054m² tại hai thửa đất 297 và 358 tờ bản đồ số 31, thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vì tình làng nghĩa xóm nên ông P bà H qua lại nhiều lần nói chuyện trao đổi và yêu cầu gia đình ông S trả lại diện tích đất lấn chiếm nhưng ông S không chấp nhận. Năm 2019, Công ty P3 và UBND xã C tổ chức phân định ranh giới theo GCNQSDĐ cho các hộ sử dụng đất để các hộ thực hiện phát luống trồng cây bản địa phục hồi đất rừng, trong đó có gia đình ông P bà H. Năm 2022, gia đình ông P bà H có ý kiến đề nghị UBND xã C giải quyết việc gia đình ông S lấn chiếm đất. UBND xã C đã tiến hành hòa giải việc tranh chấp đất rừng và tiến hành cắm mốc bê tông, dùng sơn để đánh dấu đường ranh giới đất rừng giữa các hộ gia đình theo như GCNQSDĐ đã được cấp. Tuy nhiên, một thời gian sau, ông P lên rừng kiểm tra cùng tổ tuần tra thì phát hiện hộ gia đình ông S không chấp hành theo ranh giới đất rừng giữa các hộ gia đình mà trước đó chính quyền địa phương đã lập nên. Diện tích đất của ông bà bị ông Đinh Hữu S lấn chiếm là 7.054m² đất rừng sản xuất.

Do nhiều lần gặp trao đổi với gia đình ông S và đưa ra phương án giải quyết nhưng ông S vẫn cho đó là diện tích đất của gia đình ông và dùng những lời lẽ

thách thức, tự ý phá cọc bê tông, phân định ranh giới không đúng hiện trạng sử dụng đất từ trước, không đúng như trong sơ đồ thửa đất của hai gia đình. Vì vậy, ông P, bà H đã nhiều lần viết đơn đề nghị UBND xã C tổ chức hòa giải với mong muốn các bên thỏa thuận, thống nhất ranh giới sử dụng đất. Ngày 01/3/2023 và ngày 23/5/2023, UBND xã C ức"chức hòa giải tại trụ sở nhưng gia đình ông S không hợp tác, cương quyết không thương lượng, thỏa thuận, không trả lại diện tích đất lấn chiếm nên việc hoà giải không thành.

Chính vì vậy, ông P và bà H khởi kiện ông Đình Hữu S đến Tòa án, yêu cầu buộc ông S trả lại toàn bộ diện tích đất ông S đã lấn chiếm của ông bà là 7.054m² và đề nghị xử lý tài sản trên đất theo quy định.

Bị đơn - ông Đình Hữu S trình bày: Từ những năm 1990, gia đình ông S đã khai hoang và sử dụng đất rừng tại Đ, thôn G, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Trong quá trình sử dụng, gia đình ông S luôn được sự ủng hộ của chính quyền địa phương và không tranh chấp với ai. Đến năm 2008, ông S được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ đối với một phần thửa đất gia đình sử dụng, phần đất còn lại chưa cấp GCNQSDĐ nhưng ông S vẫn sử dụng ổn định. Theo UBND xã C thì do chưa có chính sách nên diện tích đất đó chưa được cấp GCNQSDĐ. Từ đó, hộ gia đình ông S sử dụng toàn bộ diện tích đất trên để trồng keo, việc sử dụng đất của ông S ổn định, công khai, liên tục mà không tranh chấp với ai.

Đến khoảng tháng 11/2019, một số hộ gia đình trong thôn đi kiểm tra rừng thì phát hiện một số cây keo bị chặt phá. Ngay sau đó, sự việc đã được trình báo lên UBND xã C. Đến ngày 09/01/2020, UBND xã C đã thành lập tổ công tác đi kiểm tra xác minh và kết luận sự việc chặt keo là đúng.

Qua quá trình giải quyết sự việc tại UBND xã C, ông S mới biết được toàn bộ diện tích đất ông S đang sử dụng mà trước đó (năm 2008) UBND xã C thông tin chưa có kế hoạch cấp GCNQSDĐ thì đã được cấp cho một số hộ dân của thôn V, xã C, huyện T, trong đó có hộ gia đình ông P, bà H. Như vậy, mặc dù ông S là người trực tiếp sử dụng đất rừng từ năm 1990 đến nay (hơn 20 năm) nhưng UBND huyện T lại cấp cho đối tượng khác. Ông S cho rằng việc cấp GCNQSDĐ của nguyên đơn là trái quy định của pháp luật vì cấp sai đối tượng sử dụng đất, không đảm bảo quyền và lợi ích của người trực tiếp sử dụng đất.

Vì vậy, ông S yêu cầu Tòa án huỷ GCNQSDĐ của nguyên đơn. Tuyên bố diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của gia đình ông S.

Theo Bản tự khai ngày 28/6/2024, đại diện theo uỷ quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - UBND huyện T trình bày:

Ngày 13/5/2008, hộ ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị Hồng H làm đơn xin giao đất lâm nghiệp, có UBND xã C xác nhận. Ngày 13/5/2008 làm đơn xin giao đất rừng, có xác nhận của UBND xã C. Ngày 13/5/2008 làm đơn xin cấp

GCNQSDĐ đối với thửa đất số: 358, tờ bản đồ số 31, diện tích 54.791m², mục đích sử dụng: đất rừng sản xuất (RSN). Địa chỉ thửa đất: TK203/4 tại thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 17/12/2008, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số: 2114b/QĐ-UBND về việc giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình ông Nguyễn Đình P trú tại thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 18/12/2008, UBND huyện T cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị Hồng H, tại thửa đất số 358, tờ bản đồ số 31, diện tích 54.791m², mục đích sử dụng đất có rừng sản xuất, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, số phát hành AO 725773, sổ vào sổ cấp GCN số H00903.

Quy trình được thực hiện đầy đủ đúng quy định theo Thông tư số: 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ; đúng quy định của Luật đất đai 2003, Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và Thông tư số: 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 của Bộ T và M trường về hướng dẫn thi hành Luật đất đai 2003. Do vậy, UBND huyện T không chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Hữu S về việc huỷ GCNQSDĐ số AO725773 ngày 18/12/2008 đã cấp cho ông Nguyễn Đình P và bà Nguyễn Thị Hồng H.

Theo ý kiến trả lời của UBND xã C Công văn số 890 ngày 20/12/2024: Xác định quá trình canh tác, một số hộ dân thôn T, xã C có lấn chiếm đất của một số hộ dân thôn V, xã C (trong đó có hộ gia đình ông P, bà H), diện tích đất lấn chiếm là đất rừng tự nhiên. UBND xã Cao Quảng căn cứ chỉ đạo của UBND huyện T đã xây dựng kế hoạch cùng với Hạt kiểm lâm huyện rà soát, đo đạc, kiểm đếm và mời các hộ dân của hai thôn đến giải quyết theo hướng các hộ dân Tân Tiến trả lại đất cho các hộ dân Vĩnh X nhưng không có hộ dân nào thực hiện. Sau đó các hộ dân thôn V khởi kiện 09 hộ dân vi phạm lấn chiếm đến Toà án. Về việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân Vĩnh X là đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai nên việc yêu cầu huỷ GCNQSDĐ của các hộ dân Tân Tiến trong đó có ông Đinh Hữu S là không có căn cứ.

Ngày 13/8/2024, Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá tiến hành xem xét thẩm định và định giá các thửa đất tranh chấp, gồm:

- Thửa đất số 297, tờ bản đồ số 31, địa chỉ tại thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình có diện tích 66.479m² có tứ cận: phía Đông giáp tờ bản đồ số 29; phía Tây giáp thửa đất số 253; phía Nam giáp thửa đất 358; phía Bắc giáp thửa đất 863 và thửa 864 tờ bản đồ số 29 (diện tích và kích thước các cạnh theo sơ đồ thửa đất).

- Thửa đất số 358, tờ bản đồ số 31 có tứ cận: phía Đông giáp thửa đất 396;

phía Tây giáp thửa đất 357; phía Nam giáp thửa đất 439; phía Bắc giáp thửa đất 297 (diện tích và kích thước các cạnh theo sơ đồ thửa đất).

- Thửa đất số 864, tờ bản đồ số 29 có tứ cận: phía Đông giáp đất trống; phía Tây giáp thửa đất 863; phía Nam giáp thửa 297, tờ bản đồ số 31; phía Bắc giáp thửa đất 850, tờ bản đồ số 29 (diện tích và kích thước các cạnh theo sơ đồ thửa đất).

- Theo dẫn đặc của bị đơn - ông **Đình hữu S** thì diện tích ông **S** sử dụng lấn chiếm thửa đất 297 có diện tích là 6.491,48m² và diện tích lấn chiếm sang thửa đất số 358 với diện tích là 3.210,41m² (có số đo tứ cận theo sơ đồ kèm theo). Tổng diện tích hai thửa đất của ông **P** bà **H** bị ông **S** lấn chiếm là 9.701,89m².

- Theo kết quả định giá tài sản:

+ Phần cây keo mật độ 3.906 cây/ha, chu vi từ 2 đến 5cm trồng trên diện tích đất ông **S** sử dụng tại thửa đất 297 là 6.491,48m² có tổng giá trị là 24.040.000 đồng

+ Phần cây keo mật độ 3906 cây/ha, chu vi từ 2 đến 5cm trồng trên diện tích đất ông **S** sử dụng tại thửa đất 358 là 3.210,41m² có tổng giá trị là 11.844.000 đồng.

+ Đất rừng sản xuất tự nhiên có giá 6.000 đồng/m², tổng trị giá: 9.702,78m² x 6.000 đồng = 58.216.680 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã Quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, các Điều 147, 157, 165, khoản 1 Điều 227, Điều 229 và Điều 273 Bộ luật ố" Tổ tụng dân sự; các Điều 50, 52, 105, 107 Luật Đất đai 2003; các Điều 166, 170, 203 Luật ất" Đất đai 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Ngô Đình P2** và bà **Nguyễn Thị Hồng H**. Buộc ông **Đình Hữu S** phải trả lại cho ông **P2**, bà **H** toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm của ông **P2**, bà **H** là 9.701,89m², trong đó: diện tích đất lấn chiếm tại thửa đất số 297 là 6.491,48m² và diện tích đất lấn chiếm tại thửa đất số 358 là 3.210,41m² thuộc tờ bản đồ số 31 **thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình** (có sơ đồ kèm theo).*

*Giao cho ông **Nguyễn Đình P** và bà **Nguyễn Thị Hồng H** sở hữu số cây keo mà ông **Đình Hữu S** đã trồng trên trên diện tích đất lấn chiếm 9.701,89m². Buộc ông **Nguyễn Đình P** và bà **Nguyễn Thị Hồng H** phải thanh toán cho ông **Đình Hữu S** trị giá số cây keo mà ông **S** đã trồng trên đất đã lấn chiếm của ông **P** bà **H** là 35.884.000 đồng (ba mươi lăm triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng).*

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, để trả cho bên được thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông **Đinh Hữu S** về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO AO725773 ngày 18/12/2008 mà Ủy ban nhân huyện T đã cấp ông **Nguyễn Đình P** và bà **Nguyễn Thị Hồng H**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông **Đinh Hữu S** kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông **Đinh Hữu S** giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm về việc vợ chồng ông đã khai hoang, sử dụng đất từ năm 1990 nhưng ông không có tài liệu giấy tờ gì. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, xem xét bảo đảm quyền lợi cho ông.

UBND huyện T, UBND xã C có văn bản trình bày ý kiến đối với kháng cáo của ông **Đinh Hữu S** và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm đã được bảo đảm đúng quy định. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định của pháp luật; người kháng cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của các bên và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông **Đinh Hữu S**:

Thực hiện theo chính sách giao đất, giao rừng của Nhà nước, hộ ông **Nguyễn Đình P** được UBND huyện T giao đất, được cấp GCNQSD ngày 18/12/2008 thửa đất số 297, 358 thuộc tờ bản đồ số 31, tổng diện tích 66.479m²; địa chỉ thửa đất: TK203/4, NTKII/5 thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Quảng Bình, GCN cấp ghi rõ nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất, không thu tiền sử dụng đất.

Căn cứ Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 13/8/2024 (có sơ đồ các

thửa đất hiện trạng và có lồng ghép bản đồ cấp GCN) thể hiện bị đơn ông **Đinh Hữu S** sử dụng lấn chiếm vào 2 thửa đất 297, 358 thuộc tờ bản đồ số 31 của ông **Nguyễn Đình P** với tổng diện tích là 9.701,89m² đất tại các điểm trên sơ đồ thẩm định.

Bị đơn ông **Đinh Hữu S** cho rằng cả phần đất 9.701,89m² tranh chấp trong vụ án này và phần còn lại ông đang sử dụng, có nguồn gốc do gia đình ông khai hoang, sử dụng từ năm 1990, nhưng ông không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Những người làm chứng được Tòa án triệu tập đến phiên tòa theo yêu cầu của ông **S** lại là những người sống cùng thôn với bị đơn và đồng thời một số người cũng đang là bị đơn bị các nguyên đơn khởi kiện về lấn chiếm đất đai và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đang giải quyết. Ngoài ra, những người làm chứng này chỉ trình bày biết bị đơn canh tác liên kề diện tích đất của nguyên đơn nhưng thực tế diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn hay bị đơn thì không biết.

UBND huyện **T**, UBND xã **C** đã cung cấp các tài liệu hồ sơ địa chính, cấp GCNQSD và xác định việc cấp GCNQSD cho nguyên đơn là đúng trình tự thủ tục đúng quy định của Luật Đất đai năm 2003, các văn bản hướng dẫn trước đây như Thông tư số: 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/03/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Nghị định 163/1999/NĐ-CP ngày 16/11/1999 về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài cho mục đích lâm nghiệp; Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ và Thông tư số: 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005 của **Bộ T** về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003; ông **S** lấn chiếm sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn.

Với các chứng cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông **Đinh Hữu S** đã lấn chiếm 9.701,89m² đất tại các thửa đất số 297, 358, tờ bản đồ số 31 xã **C**, huyện **T**, tỉnh **Quảng Bình** của ông **Nguyễn Đình P** và bà **Nguyễn Thị Hồng H**; nên buộc ông **S** phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm và không chấp nhận yêu cầu của ông **S** về việc huỷ GCNQSD đất đã cấp cho ông **P**, bà **H** là có căn cứ.

Ông **Nguyễn Hữu S1** kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ chứng minh, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

[2] Trên 9.701,89m² đất lấn chiếm, hiện trạng có cây keo do ông **S1** trồng (đường kính 2cm đến 5cm), theo kết quả định giá ngày 13/8/2024 tổng trị giá 35.884.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông **P**, bà **H** sở hữu cây và phải thanh toán cho ông **S1** số tiền 35.884.000 đồng là bảo đảm quyền lợi cho ông **S1**.

[3] Yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn ông **Đinh Hữu S** phải chịu chi phí tố tụng và án phí là đúng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Ông **Đinh Hữu S** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 270, Điều 282, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 15/01/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Ông **Đinh Hữu S** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005267 ngày 14/02/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 05/6/2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Phan Thị Vân Hương